TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 284/2020/QĐST-HNGĐ	*Ninh Kiều,* ngày 27 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; Khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 632/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Ông Nguyễn Hửu N (Nguyễn Hữu N), sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 153 đường 03 tháng 02, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bà Trần Thị Ánh L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp Cứ Mạnh, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: ấp Đông Hậu, xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa công dân với công dân; ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L có đơn yêu cầu việc dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; nên xác định quan hệ pháp luật: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Quan hệ pháp luật này thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Do yêu cầu và người yêu cầu có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu có địa chỉ cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân quận Ninh Kiều theo Điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân và tính hợp pháp: Xét thấy giữa ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, ngày 02/8/2013 theo số chứng nhận số 121/2013, quyển số 01/2013; nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về nội dung yêu cầu: Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 11 năm 2020 ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn và nuôi con chung. Xét việc thuận tình ly hôn giữa ông - bà là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L có với nhau 01 (Một) con chung tên Nguyễn Kim N (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 26/01/2014; ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L thỏa thuận thống nhất giao 01 (Một) con chung cho bà Trần Thị Ánh L trực tiếp nuôi dưỡng;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L thống nhất thỏa thuận. Ông Nguyễn Hửu N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi con chung Nguyễn Kim N tròn 18 tuổi (Thời gian cấp dưỡng được thực hiện kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi).

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N. Không ai được quyền ngăn cản ông N thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ em được pháp luật bảo vệ: Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhận thấy việc nuôi con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung không tốt thì có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung (người trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa ông N và bà L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận việc tự nguyện thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L xác định tự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về lệ phí Tòa án: Mỗi người phải chịu 50% lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Tại buổi hòa giải ông Nguyễn Hửu N đã tự nguyện chịu nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nên Tòa án chuyển tiền tạm ứng án phí thành lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 (Một) con chung tên Nguyễn Kim N (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 26/01/2014 cho bà Trần Thị Ánh L trực tiếp nuôi dưỡng;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Hửu N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi con chung Nguyễn Kim Ngân tròn 18 tuổi (Thời gian cấp dưỡng được thực hiện kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi).

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N. Không ai được quyền ngăn cản ông N thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ em được pháp luật bảo vệ: Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhận thấy việc nuôi con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung không tốt thì có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung (người trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hửu N và bà Trần Thị Ánh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu thành vụ kiện khác.

- Về lệ phí Tòa án: Mỗi người phải chịu 50% lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm. Mỗi người phải chịu 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự hôn nhân sơ thẩm; ông Nguyễn Hửu N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 003238, ngày 03/11/2020 thành lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự đã nộp xong lệ phí Tòa án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều;
- UBND Phường;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thiên Bảo